

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 128/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 09/9/2024

“ V/v Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số: 315/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2024, về việc tranh chấp: “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Kim H**, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, Khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Anh **Trần Đình S**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Kim H trình bày: Tôi và anh Trần Đình S tự tìm hiểu được cha mẹ hai bên chấp thuận tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V vào ngày 09/3/2018.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh S không lo làm ăn, về nhà thường xuyên kiểm chuyện với tôi vô cớ. Nhiều lần tôi và cha mẹ hai bên hoà giải để anh S chí thú làm ăn tạo thu nhập chăm lo cho gia đình, nhưng không có kết quả. Cuối năm 2023 tôi và anh Sơn S1 ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu được ly hôn với anh Trần Đình S.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung tên Trần Lê Gia P, sinh ngày 23/3/2018, Trần Lê Gia B, sinh ngày 18/11/2023, hiện hai cháu do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ phải thu phải trả, không yêu cầu toà án giải quyết.
Bị đơn anh Trần Đình S vắng mặt không rõ lý do.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp “xin ly hôn, nuôi con chung” giữa nguyên đơn chị Lê Kim H và bị đơn anh Trần Đình S thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo luật định hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Kim H và anh Trần Đình S qua tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hợp pháp. Trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Cha mẹ hai bên nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, chị và anh S đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2023 đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Đình S.

Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do, anh S không đến phiên tòa và không nhận các Quyết định của Tòa án, thể hiện anh S từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Anh, chị đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay, thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh S là phù hợp.

[3] Về Con chung: Giao hai con chung tên Trần Lê Gia P, sinh ngày 23/3/2018, Trần Lê Gia B, sinh ngày 18/11/2023, cho chị Lê Kim H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: chưa yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227; 228; các Điều 266; 267 của Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 09, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Kim H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Kim H được ly hôn với anh Trần Đình S.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Trần Lê Gia P, sinh ngày 23/3/2018, Trần Lê Gia B, sinh ngày 18/11/2023, cho chị Lê Kim H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S có quyền tới lui thăm mon, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: Chưa yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Kim H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 00014277 ngày 26/6/2024. Chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Bình;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS huyện Tam Bình;
- UBND xã Tân Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Linh

